

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA VI
Về phát triển sản phẩm nông nghiệp và liên kết theo chuỗi giá trị
bền vững trên địa bàn huyện Bảo Lâm, giai đoạn 2023-2030

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Huyện Bảo Lâm nằm ở phía Nam của tỉnh Lâm Đồng, giáp giới với tỉnh Đắk Nông, Bình Thuận và nhiều huyện trong tỉnh như: Di Linh, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên và thành phố Bảo Lộc. Huyện có tổng diện tích đất tự nhiên 146.271,71ha. Trong đó diện tích sản xuất nông nghiệp là 54,190,7 ha, chiếm 37,04% diện tích tự nhiên của huyện, bao gồm các loại cây trồng chủ lực như: cà phê, chè, cây ăn quả, dâu tằm, mắc ca, cây hồ tiêu, cao su và cây rau, hoa các loại.

Trong thời gian qua, việc phát triển sản phẩm nông nghiệp và liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn huyện bước đầu có những kết quả quan trọng: Sản xuất nông nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng; năng suất chất lượng sản phẩm nông sản tăng so với cùng kỳ, xuất hiện nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ có hiệu quả. Tính đến thời điểm này toàn huyện có 18 chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, 14 sản phẩm OCOP từ 3-4 sao, 38 Hợp tác xã nông nghiệp; hình thức liên kết các chuỗi đa dạng và gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; thu hút được doanh nghiệp, hợp tác xã, nông hộ tham gia liên kết hợp tác xây dựng, góp phần trong việc nâng cao giá trị trong sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập cho người dân, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp của huyện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Sản phẩm nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện, giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp chưa cao, nông sản của huyện chủ yếu được bán dưới dạng thô, tươi, tỷ lệ qua chế biến còn thấp; số sản phẩm OCOP phát triển chưa nhiều; khả năng cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp còn thấp. Chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ được hình thành còn ít, sản phẩm nông nghiệp sản xuất và tiêu thụ thông qua chuỗi liên kết chiếm tỷ lệ thấp (5%).

Nguyên nhân của hạn chế trên đó là: công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền chưa được quan tâm đúng mức; các chuỗi được hình thành chưa có tính bền vững. Công tác quảng bá, phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp chưa có hiệu quả; xây dựng mô hình du lịch nông thôn chưa tốt.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển đa dạng sản phẩm nông nghiệp để tạo ra giá trị gia tăng tối ưu trên một đơn vị diện tích canh tác thông qua chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại đa dạng theo chuỗi giá trị phù hợp với yêu cầu thị trường, phần lớn sản phẩm nông nghiệp của huyện được chứng nhận chất lượng, có đăng ký nhãn hiệu, truy xuất được nguồn gốc.

Huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển sản xuất ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, góp phần xây dựng vùng nông nghiệp phát triển toàn diện, bền vững theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao, tiến tới thực hiện thành công cơ cấu lại ngành nông nghiệp nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp.

Tập trung sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến nông nghiệp; phát triển nông nghiệp dịch vụ, du lịch nông thôn nhằm quảng bá thương hiệu, hình ảnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Mục tiêu

2.1. Đến hết năm 2025:

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân ngành nông nghiệp theo giá thực tế đạt 5-6%/năm. Tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến đạt trên 80%, trong đó chế biến trên 25%; tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch giảm dưới 10%.
- Có 21 chuỗi liên kết, ít nhất 20 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP cấp tỉnh, 1-2 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP quốc gia.
- Giá trị xuất khẩu hàng năm tăng 4-5%; kim ngạch xuất khẩu nông sản đến năm 2025 đạt 6 triệu USD, tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chế biến, chế biến sâu đạt từ 30%.

2.2. Đến hết năm 2030:

- Tốc độ phát triển bình quân ngành nông nghiệp đạt từ 6,0-6,5%/năm. Tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 29-30% cơ cấu kinh tế của huyện. Năng suất lao động trong nông nghiệp tăng bình quân 6-6,5%. Giá trị xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp hàng năm đạt 8,5-9,5%; tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chế biến, chế biến sâu đạt từ 20% trở lên.
- Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng năm đạt khoảng 5-6%. Kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 10 triệu USD.
- Hàng năm phát triển từ 2-3 liên kết chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Lũy kế đến năm 2030 có ít nhất 35 chuỗi liên kết, nâng tỷ lệ sản phẩm

nông nghiệp chủ lực của huyện được tiêu thụ thông qua liên kết chuỗi đạt trên 35%.

- Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện thông qua chương trình phát triển sản phẩm OCOP. Hàng năm phát triển 10-15 sản phẩm OCOP, lũy kế đến năm 2030 toàn huyện có ít nhất 80 sản phẩm đạt OCOP từ 3-4 sao.

- Phấn đấu cấp mã số vùng trồng từ 70% trở lên đối với các cây trồng chủ lực của huyện như: cà phê, chè, sầu riêng, bơ, mắc ca,... để sản phẩm nông nghiệp được truy xuất nguồn gốc, đáp ứng với nhu cầu xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

- Phát triển ít nhất 14 mô hình du lịch nông thôn, du lịch canh nông, du lịch sinh thái nhằm quảng bá, nâng cao giá trị sản phẩm nông lâm nghiệp có lợi thế của huyện.

- Thu hút đầu tư xây dựng 03 nhà máy chế biến nông sản, nhất là nhà máy chế biến cà phê, chế biến tinh dầu bơ, chế biến các sản phẩm dược liệu,...

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu triển khai, thực hiện có hiệu quả nội dung của Nghị quyết.

- Các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong huyện tăng cường công tác phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên trong cơ quan, đơn vị mình về phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao sản phẩm nông nghiệp, chương trình OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao năng lực quản lý, điều hành, chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Nghị quyết đã đề ra.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển hiệu quả sản phẩm nông nghiệp và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở trong việc tuyên truyền đoàn viên, hội viên tham gia tích cực trong việc phát triển hiệu quả sản phẩm nông nghiệp và liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, UTZ, 4c, HACCP,...

- Xây dựng nội dung, phương pháp tuyên truyền phổ biến phù hợp từng đối tượng, lồng ghép các chương trình đào tạo, tập huấn để chuyển giao khoa học kỹ thuật, chủ trương chính sách, định hướng mới trong sản xuất nông nghiệp tới đông đảo người sản xuất trên địa bàn huyện.

3. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và tổ chức sản xuất.

- Tổ chức rà soát và quy hoạch lập bản đồ vùng sản xuất cây trồng phù hợp với điều kiện của từng vùng, phát triển thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các loại cây trồng chủ lực của huyện như: chè, cà phê, các loại cây ăn quả, dâu tằm và rau hoa.

- Xây dựng các khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch; ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ vào từng khâu của quá trình sản xuất; phát triển các vùng nguyên liệu quy mô lớn được số hóa, kiểm soát theo quy chuẩn, chất lượng gắn với phát triển công nghiệp chế biến.

- Quản lý tốt công tác quy hoạch vùng trồng, sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, không để tình trạng trồng trọt lan không có định hướng làm cho cung nhiều hơn cầu, sản phẩm nông nghiệp làm ra không tiêu thụ được.

- Tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng hệ thống dữ liệu của ngành nông nghiệp, đất đai, cây trồng, vật nuôi; xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp giữa trên không và mặt đất phục vụ cho các hoạt động nông nghiệp nhằm chia sẻ, cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người dân biết, áp dụng trong sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

4. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh và cấp mã số vùng trồng cho các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện.

- Nâng cao trình độ chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung giải quyết các khâu then chốt, ứng dụng nhanh thành quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ cao để tạo tăng trưởng đột phá. Đến 2030 diện tích sản xuất đạt tiêu chí nông nghiệp công nghệ cao chiếm khoảng 20% diện tích canh tác toàn huyện; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh theo ngành, hàng có lợi thế cạnh tranh với tổng diện tích 20.000 ha.

- Tổ chức rà soát, đánh giá và cấp mã số vùng trồng cho các loại cây trồng chủ lực của huyện, đặc biệt là đối với sản phẩm cà phê phải đảm bảo 100% có thông tin định vị GPS đến từng vườn để đảm bảo theo quy định của Châu Âu (EUDR) về chống chặt phá rừng, dự kiến có hiệu lực vào tháng 12/2024.

5. Phát triển nông lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch

- Khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện về cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, sản vật về nông nghiệp, làng nghề và văn hóa truyền thống của địa phương để phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong đó cần tập trung vào các loại hình du lịch nông nghiệp trải nghiệm, nông nghiệp công nghệ cao của các đồi chè, cà phê; du lịch sinh thái dưới tán rừng, sông, hồ, thác

nước; du lịch văn hóa công chiêng, ngành nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa; du lịch dựa trên sản phẩm đặc trưng của chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP.

- Chú trọng công tác quy hoạch du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng phù hợp với quy hoạch chung của địa phương, quy hoạch nông thôn mới và quy định quản lý, sử dụng đất; khuyến khích xây dựng sản phẩm dịch vụ du lịch nông nghiệp, cộng đồng và điểm du lịch. Tăng cường huy động các nguồn vốn từ các doanh nghiệp, cộng đồng; lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất từ các chương trình, dự án trên địa bàn để phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch nông nghiệp, nông thôn đặc thù của huyện; kết nối vùng, kết nối các điểm dừng chân, điểm du lịch của các vùng lân cận để tạo liên kết chuỗi du lịch nông nghiệp.

- Phân đầu mỗi xã, thị trấn xây dựng được một mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn để đến năm 2030 toàn huyện có ít nhất 14 mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn.

6. Thúc đẩy phát triển sản phẩm OCOP, hợp tác và liên kết chuỗi giá trị sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Tăng cường công tác truyền thông quảng bá trên các phương tiện thông tin truyền thông về gương điển hình tiên tiến, các mô hình làm tốt để kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, người sản xuất, người tiêu thụ. Phát triển chuỗi giá trị theo tiêu chí *“Doanh nghiệp là nòng cốt, kinh tế tập thể, hợp tác xã là trung tâm, nông dân là chủ thể”*.

- Hỗ trợ và ưu tiên sản xuất hàng hóa chất lượng, xây dựng thương hiệu sản phẩm, xây dựng chuỗi liên kết hiệu quả; hỗ trợ kết cấu hạ tầng, máy móc thiết bị, kho, nhà xưởng chế biến nhằm nâng cao giá trị gia tăng phục vụ hệ thống phân phối của các doanh nghiệp trong nước và xuất khẩu.

- Tổ chức các hội chợ, triển lãm, chương trình xúc tiến đầu tư quảng bá sản phẩm nông nghiệp. Hỗ trợ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến, quảng bá sản phẩm. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động khu vực nông thôn. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, chứng nhận chất lượng nông sản.

7. Huy động mọi nguồn lực về tài chính, đất đai để thu hút đầu tư hạ tầng, nhà máy chế biến nông sản và điểm thương mại, dịch vụ.

- Tranh thủ nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh để đầu tư hạ tầng nông thôn, hạ tầng điểm công nghiệp mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện công tác quy hoạch đồng bộ giữa quy hoạch vùng, quy hoạch sử

dụng đất, quy hoạch 3 loại rừng và quy hoạch nông thôn mới, trong đó ưu tiên quỹ đất để thu hút đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nông sản. Phân đầu thu hút đầu tư 03 nhà máy chế biến nông sản, nhất là nhà máy chế biến cà phê, chế biến tinh dầu bơ, chế biến các sản phẩm được liệt,...

- Hàng năm ngân sách huyện ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp nông nghiệp theo tỷ lệ phù hợp để đầu tư cho phát triển sản phẩm nông nghiệp OCOP, chuỗi liên kết và mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn; quảng bá xúc tiến thương mại,...nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu mà Nghị quyết đề ra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chấp hành Đảng bộ huyện giao Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát Nghị quyết này. Phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban chấp hành Đảng bộ huyện theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra theo địa bàn được phân công phụ trách để chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận, đoàn thể từ huyện đến cơ sở, căn cứ Nghị quyết và tình hình thực tế địa phương, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban nhân dân huyện: Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tham mưu, giúp Ban Thường vụ Huyện ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; kịp thời báo cáo, tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết trên địa bàn.

Nghị quyết này được phổ biến đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn huyện để thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh (b/c),
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- TTHU, HĐND, UBND huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng,
- Các phòng, ban, đơn vị trên địa bàn huyện,
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn,
- các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Viết Vân